

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP
LỚP KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP 9C HẢI VĨA LAM VĨA HỌC

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	C.Trú	TCDN	KTDN	TBTN	TBHT	Niêm XLTN	XLTN	Ghi chú
1	Tõ Minh An	30/05/1984	TP.HCM	Nam	KTDN9C	7,0	8,0	9,0	8,0	7,2	7,6	Khẩu	
2	Leã Thò Kieu Dieãn	17/05/1978	Long An	Nõ	KTDN9C	6,5	6,5	9,5	7,5	7,7	7,6	Khẩu	
3	Nguyeãn Thò Dieãn	05/10/1989	Binh Thuan	Nõ	KTDN9C	8,0	5,0	7,5	6,8	6,4	6,6	TB - Khẩu	
4	Pham Thò Dung	18/10/1980	Kien Giang	Nõ	KTDN9C	8,0	10,0	8,0	8,7	7,5	8,1	Giỏi	
5	Leã Thò Ha Giang	29/04/1982	Nai Nang	Nõ	KTDN9C	8,0	3,0	7,0		6,2			
6	Nguyeãn Thò Thu Ha Giang	23/03/1980	Ha Tinh	Nõ	KTDN9C	7,5	4,0	7,0		6,1			
7	Pham Thò Leã Ha Giang	03/03/1986	Kien Giang	Nõ	KTDN9C	9,0	8,5	7,0	8,2	7,3	7,8	Khẩu	
8	Tran Thò Myõ Ha Giang	17/04/1985	Nong Nai	Nõ	KTDN9C	9,0	6,0	8,5	7,8	6,5	7,2	Khẩu	
9	Ngõ Thò Hai Ha Giang	01/04/1982	Nong Nai	Nõ	KTDN9C	9,0	9,5	8,0	8,8	7,8	8,3	Giỏi	
10	Tran Nhõ Ha Giang	22/07/1982	Nong Thap	Nõ	KTDN9C	9,0	8,0	8,5	8,5	7,6	8,1	Giỏi	
11	Vien Ngõc Ha Giang	26/09/1988	TP.HCM	Nõ	KTDN9C	9,0	8,0	8,0	8,3	6,8	7,6	Khẩu	
12	Leã Thò Kim Ha Giang	19/11/1987	Khánh Hoà	Nõ	KTDN9C	9,0	8,5	9,0	8,8	7,2	8,0	Giỏi	
13	Nguyeãn Thò Ha Giang	18/08/1989	Ha Noi	Nõ	KTDN9C	7,0	3,5	7,0		6,3			
14	Nõ Thanh Hung	17/06/1978	TP.HCM	Nam	KTDN9C	7,0	0,5	6,0		6,2			
15	Bui Thò Hoõng Lan	24/01/1984	Long An	Nõ	KTDN9C	9,0	5,0	8,5	7,5	7,7	7,6	Khẩu	
16	Pham Thò Lieãn Lan	14/01/1975	Sai Gon	Nõ	KTDN9C	7,0	3,5	7,5		6,9			
17	Nguyeãn Thò Truic Lan	01/01/1983	TP.HCM	Nõ	KTDN9C	6,0	2,5	5,0		6,5			
18	Phan Thò Myõ Lan	04/08/1988	Phu Yeh	Nõ	KTDN9C	7,0	2,0	7,5		6,5			
19	Nguyeãn Thò Phõõng Lan	31/10/1983	Nong Nai	Nõ	KTDN9C	7,0	5,0	7,0	6,3	7,1	6,7	TB - Khẩu	
20	Trõõng Thò Lan	01/06/1986	Thanh Hoã	Nõ	KTDN9C	8,0	9,0	8,0	8,3	6,8	7,6	Khẩu	
21	Võ Phõõng Lan	01/06/1977	TP.HCM	Nõ	KTDN9C	8,0	10,0	8,5	8,8	7,1	8,0	Giỏi	
22	Tran Thò Thanh Lou	03/01/1988	Thai Nguyen	Nõ	KTDN9C	5,0	8,0	8,0	7,0	7,2	7,1	Khẩu	
23	Tõ Phỏc Luãn	17/12/1989	TP.HCM	Nam	KTDN9C	7,0	8,0	8,0	7,7	6,7	7,2	Khẩu	
24	Phung Hueã Luãn	16/01/1990	TP.HCM	Nõ	KTDN9C	9,0	9,5	8,0	8,8	8,1	8,5	Giỏi	
25	Nguyeãn Quang Minh	13/02/1965	Sai Gon	Nam	KTDN9C	8,0	8,5	6,5	7,7	7,6	7,7	Khẩu	
26	Nguyeãn Thò Ngõc Myõ	20/04/1990	TP.HCM	Nõ	KTDN9C	9,0	9,0	7,5	8,5	7,1	7,8	Khẩu	
27	Tõ Bỏch Myõ	12/12/1983	TP.HCM	Nõ	KTDN9C	8,0	8,0	8,5	8,2	7,8	8,0	Giỏi	
28	Nang Thò Hong Nam	10/05/1989	Quang Ninh	Nõ	KTDN9C	5,5	5,0	5,5	5,3	6,8	6,1	TB - Khẩu	
29	Chẽ Thò Kim Ngãn	20/04/1987	Khánh Hoà	Nõ	KTDN9C	8,0	7,5	8,0	7,8	7,9	7,9	Khẩu	
30	Nang Yen Ngõc	17/10/1979	Ben Tre	Nõ	KTDN9C	5,5	3,0	5,5		6,3			
31	Ninh Thò Khanh Ngõc	25/03/1979	TP.HCM	Nõ	KTDN9C	9,0	10,0	8,5	9,2	8,7	9,0	Xuất sắc	
32	Nguyeãn Bỏ Nguyeãn	20/08/1986	TP.HCM	Nõ	KTDN9C	5,5	2,0	6,0		6,4			
33	Nguyeãn Thò Nguyeãn	10/11/1987	Quang Nam	Nõ	KTDN9C	8,0	7,5	7,0	7,5	6,7	7,1	Khẩu	
34	Nguyeãn Thò Nhung	01/01/1990	Ngheã An	Nõ	KTDN9C	8,0	7,0	6,0	7,0	6,7	6,9	TB - Khẩu	
35	Trõõng Thò Hong Nhung	25/08/1988	TP.HCM	Nõ	KTDN9C	7,5	7,0	6,0	6,8	7,4	7,1	Khẩu	
36	Huynh Ngõc Oanh	04/05/1984	Naklak	Nõ	KTDN9C	8,0	7,5	8,5	8,0	7,6	7,8	Khẩu	
37	Mai Thò Kieu Oanh	21/07/1991	TP.HCM	Nõ	KTDN9C	6,0	5,0	7,0	6,0	6,4	6,2	TB - Khẩu	
38	Nõi Theã Phong	13/10/1990	TP.HCM	Nam	KTDN9C	5,0	8,5	6,0	6,5	6,6	6,6	TB - Khẩu	
39	Leã Thò Kim Phõõng	13/10/1981	T.T.Hueã	Nõ	KTDN9C	9,0	10,0	9,5	9,5	8,6	9,1	Xuất sắc	
40	Nguyeãn Trung Khanh Phõõng	03/03/1985	Lam Nong	Nõ	KTDN9C	8,5	6,0	9,0	7,8	7,4	7,6	Khẩu	
41	Phan Trung Quan	15/06/1990	Long An	Nam	KTDN9C	7,5	9,5	8,5	8,5	7,5	8,0	Giỏi	
42	Nang Ngõc Thanh	06/12/1982	TP.HCM	Nõ	KTDN9C	8,5	9,5	8,5	8,8	7,3	8,1	Giỏi	
43	Doõng Thò Thai	17/07/1986	Ha Tinh	Nõ	KTDN9C	8,0	10,0	9,5	9,2	7,5	8,4	Giỏi	
44	Nguyeãn Thò Hoõng Thai	10/09/1986	Tien Giang	Nõ	KTDN9C	8,0	8,0	7,5	7,8	6,6	7,2	Khẩu	
45	Nguyeãn Thò Phõõng Thai	25/11/1985	TP.HCM	Nõ	KTDN9C	8,0	9,5	9,0	8,8	7,2	8,0	Giỏi	
46	Tran Thò Thanh Thai	21/01/1979	TP.HCM	Nõ	KTDN9C	8,0	9,5	7,0	8,2	6,8	7,5	Khẩu	
47	Bui Thò Kim Thõa	10/04/1968	An Giang	Nõ	KTDN9C	8,5	9,5	9,5	9,2	7,9	8,6	Giỏi	
48	Nguyeãn Thò Bỏch Thuy	26/08/1985	Ben Tre	Nõ	KTDN9C	5,5	7,0	6,0	6,2	6,5	6,4	TB - Khẩu	
49	Ha Thò Phõõng Thuy	28/08/1984		Nõ	KTDN9C	8,5	9,5	8,0	8,7	7,6	8,2	Giỏi	
50	Pham Thò Leã Thuy	25/03/1982	Tien Giang	Nõ	KTDN9C	6,0	9,5	4,0		6,1			
51	Nguyeãn Van Tieãn	08/10/1980	Nam Ninh	Nam	KTDN9C	7,0	10,0	7,0	8,0	7,2	7,6	Khẩu	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	C.Trò	TCDN	KTDN	TBTN	TBHT	Niêm XLTN	XLTN	Ghi chú	
52	Nàng Thị Ngọc	Trang	10/09/1984	Long An	Nữ	KTDN9C	7,5	10,0	8,0	8,5	7,7	8,1	Giỏi	
53	Phạm Thủy Mai	Trinh	01/02/1983	TP.HCM	Nữ	KTDN9C	v	v	v		6,0			
54	Trần Thị Ngọc	Tuyết	09/06/1989	TP.HCM	Nữ	KTDN9C	9,0	9,5	9,0	9,2	6,7	8,0	Giỏi	
55	Võ Thị Thanh	Vân	25/05/1982	TP.HCM	Nữ	KTDN9C	8,0	9,0	6,5	7,8	6,1	7,0	Khá	
56	Huỳnh Nặc	Vinh	19/04/1988	Vĩnh Long	Nam	KTDN9C	8,5	10,0	9,5	9,3	7,5	8,4	Giỏi	
57	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	28/12/1972	Phong Dinh	Nữ	KTDN9C	8,5	10,0	8,5	9,0	7,7	8,4	Giỏi	
58	Phạm Thị Ngọc	Yên	29/07/1987	Bình Thuận	Nữ	KTDN9C	8,0	10,0	8,0	8,7	6,7	7,7	Khá	
59	Trần Lê Hoàng	Yên	07/10/1988	TP.HCM	Nữ	KTDN9C	9,0	10,0	6,0	8,3	7,1	7,7	Khá	
60	Vũ Thị	Yên	08/02/1984	Hải Đông	Nữ	KTDN9C	8,0	10,0	7,0	8,3	7,9	8,1	Giỏi	
61	Hoài Thuic	Nân	18/01/1990	Nông Nai	Nữ	KTDN8C	5,5	8,5	5,5	6,5	6,4	6,5	TB - Khá	Thi lan 1
62	Nguyễn Ngọc	Hân	06/02/1986	Long An	Nữ	KTDN8C	8,0	6,5	5,0	6,5	6,5	6,5	TB - Khá	Thi lan 1
63	Lưu Thị Mong	Hân	08/04/1979	Phước Yên	Nữ	KTDN8C	7,0	6,5	5,0	6,2	6,3	6,3	TB - Khá	Thi lan 1
64	Trình Nguyễn Ngọc	Liên	06/12/1981	TP.HCM	Nữ	KTDN8C	5,0	5,0	5,0	5,0	6,2	5,6	Trung bình	Thi lan 1
65	Võ Ngọc	Quyên	19/02/1987	Tiền Giang	Nữ	KTDN8C	7,5	2,5	5,0		6,7			Thi lan 1
66	Hồ Thủy Bảo	Vy	15/09/1975	TP.HCM	Nữ	KTDN8C	5,0	2,0	2,0		6,4			Thi lan 1
67	Nguyễn Thị Thu	Hiên	02/04/1981	TP.HCM	Nữ	KTDN7C	7,0	5,0	6,0	6,0	6,3	6,2	TB - Khá	Thi lan 1
68	Trương Lê	Hoàng	14/08/1985	TP.HCM	Nam	KTDN7C	4,0	5,0	3,0		6,3			Thi lan 1
69	Lê Thị Lan	Hồng	25/07/1982	Hải Tây	Nữ	KTDN7C	7,0	7,0	6,0	6,7	6,6	6,7	TB - Khá	Thi lan 1
70	Trình Minh	Nguyệt	1983	Sóc Trăng	Nữ	KTDN7C	8,0	7,5	5,5	7,0	7,0	7,0	Khá	Thi lan 1
71	Lê Thị	Tuyền	12/08/1983	Ben Tre	Nữ	KTDN3C	5,0	5,5	3,5		6,4			
72	Hồ Nghi	Kieu	15/11/1980	An Giang	Nữ	KTDN5C	6,0	5,0	5,0	5,3	5,9	5,6	Trung bình	
73	Võ Thị Bích	Sa	14/04/1985	Quảng Ngãi	Nữ	KTDN6C	6,5	5,5	5,0	5,7	6,5	6,1	TB - Khá	
74	Trần Thị	Xuân	10/11/1988	Hải Tĩnh	Nữ	KTDN6C	8,0	5,0	5,5	6,2	6,3	6,3	TB - Khá	
75	Nguyễn Thị	Hân	14/09/1989	Tây Ninh	Nữ	KTDN7C	7,5	4,0	5,0		6,4			
76	Nguyễn Thị Mỹ	Phương	30/10/1987	Bạc Liêu	Nữ	KTDN7C	8,5	2,5	5,0		7,0			
77	Tại Thị Diễm	Thuy	18/02/1987	Ben Tre	Nữ	KTDN7C	9,0	5,5	5,5	6,7	6,1	6,4	TB - Khá	
78	Nguyễn Thị Mai	Thy	30/09/1982	TP. HCM	Nữ	KTDN7C	6,0	3,5	5,0		6,4			
79	Nguyễn Thị Thủy	An	28/08/1988	Vĩnh Long	Nữ	KTDN8C	8,0	5,0	5,0	6,0	7,2	6,6	TB - Khá	
80	Trần Tiên	Dũng	13/05/1978	Ben Tre	Nam	KTDN8C	5,0	2,5	0,0		6,1			
81	Thạch Thị Chanh	Nhà	1989	Trần Vinh	Nữ	KTDN8C	9,0	5,5	5,0	6,5	6,2	6,4	TB - Khá	
82	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	06/01/1983	TP.HCM	Nữ	KTDN8C	6,0	2,5	5,0		6,2			
83	Hoàng Mỹ	Linh	04/04/1987	Lâm Nông	Nữ	KTDN8C	5,0	8,0	5,0	6,0	6,7	6,4	TB - Khá	
84	Trương Thị Cẩm	Luân	06/10/1985	Bình Ninh	Nữ	KTDN8C	9,0	6,0	5,5	6,8	6,6	6,7	TB - Khá	
85	Nguyễn Thị Thu	Ngân	11/11/1988	Long An	Nữ	KTDN8C	5,0	8,0	6,0	6,3	6,3	6,3	TB - Khá	
86	Nguyễn Võ Thị Thảo	Nguyễn	17/01/1983	TP.HCM	Nữ	KTDN8C	6,0	6,0	5,0	5,7	6,2	6,0	TB - Khá	
87	Nguyễn Thủy	Nhỏ	31/10/1984	TP.HCM	Nữ	KTDN8C	8,0	8,5	9,0	8,5	7,0	7,8	Khá	
88	Phạm Thị	Nhung	16/12/1989	Yên Bái	Nữ	KTDN8C	5,0	5,5	5,5	5,3	6,8	6,1	TB - Khá	
89	Trần Thị Kim	Oanh	14/09/1986	TP.HCM	Nữ	KTDN8C	6,5	7,0	6,0	6,5	6,9	6,7	TB - Khá	
90	Phạm Thị Mai	Quyên	22/02/1978	Hải Tĩnh	Nữ	KTDN8C	9,0	5,0	5,0	6,3	7,1	6,7	TB - Khá	
91	Trương Thị Kim	Thi	24/09/1989	Ben Tre	Nữ	KTDN8C	5,5	5,0	5,5	5,3	7,1	6,2	TB - Khá	
92	Nguyễn Thị	Thía	05/03/1987	Hải Nam	Nữ	KTDN8C	6,5	5,0	4,0		6,8			
93	Nguyễn Thị Kim	Thy	20/04/1978	TP.HCM	Nữ	KTDN8C	7,5	5,0	5,5	6,0	6,5	6,3	TB - Khá	
94	Võ Văn	Trí	10/06/1984	Nông Thập	Nam	KTDN8C	5,0	7,5	8,0	6,8	7,0	6,9	TB - Khá	
95	Nguyễn Thanh	Tuyền	09/10/1983	Tiền Giang	Nữ	KTDN8C	6,0	7,5	7,0	6,8	6,6	6,7	TB - Khá	
96	Hoài Thanh	Phi	11/04/1983	TP.HCM	Nữ	THKT4C	8,5	6,5	5,0	6,7	7,1	6,9	TB - Khá	

Lớp KTDN9C :

Dời thi : 60
 Ngày TN : 49
 Xuất sắc : 2
 Giỏi : 18
 Khá : 21
 TB - Khá : 8

Thi lại :

Dời thi : 36
 Ngày TN : 26
 Khá : 2
 TB - Khá : 22
 Trung bình : 2

Ngày 11 tháng 1 năm 2012

Q. Trương phong Nào Tao

Nguyễn Phước Hải